

HỆ:

HỌ VÀ TÊN:	Chữ ký Giám thị 1	Chữ ký Giám thị 2
MÃ SỐ SV:		

✗ Thí sinh không được đánh dấu hay ghi ký hiệu khác biệt từ đường gạch này trở xuống..... I

ĐIỂM SỐ	ĐIỂM CHỮ	CHỮ KÝ GIÁO VIÊN	Số đề thi
			01

Thí sinh phải nộp lại đề thi
Thí sinh phải trả lời vào BẢNG TRẢ LỜI
KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG TÀI LIỆU
BẢNG TRẢ LỜI

1	A B C D	11	A B C D	21	A B C D	31	A B C D
2	A B C D	12	A B C D	22	A B C D	32	A B C D
3	A B C D	13	A B C D	23	A B C D	33	A B C D
4	A B C D	14	A B C D	24	A B C D	34	A B C D
5	A B C D	15	A B C D	25	A B C D	35	A B C D
6	A B C D	16	A B C D	26	A B C D	36	A B C D
7	A B C D	17	A B C D	27	A B C D	37	A B C D
8	A B C D	18	A B C D	28	A B C D	38	A B C D
9	A B C D	19	A B C D	29	A B C D	39	A B C D
10	A B C D	20	A B C D	30	A B C D	40	A B C D

Ghi chú : Mỗi câu có 4 chọn lựa. Hãy chọn 1 câu trả lời đúng nhất và đánh chéo vào ô chứa chữ cái tương ứng câu đó trong bảng trả lời như sau

☒ chọn

☐ bỏ chọn

☐ chọn lại câu đã bỏ

- Chi phí nghiên cứu phải được ghi nhận vào chi phí trong kỳ; trong khi đó chi phí trả trước có thể là một tài sản. Có thể giải thích điều này bằng nguyên tắc nào dưới đây:
 - Nhất quán.
 - Giá gốc.
 - Trọng yếu.
 - Phù hợp.
- Phát biểu nào sau đây không phải là mục đích của kiểm toán báo cáo tài chính:
 - Phát hiện tất cả các gian lận và sai sót trên.
 - Đảm bảo rằng số liệu trình bày trên báo cáo tài chính là chính xác.
 - Cung cấp sự đảm bảo về sự tồn tại và khả năng quản lý của đơn vị.
 - Tất cả ba phát biểu trên đều không phải là mục đích của kiểm toán báo cáo tài chính.
- Trong kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán viên phải đánh giá ban đầu về rủi ro kiểm soát khi:
 - Môi trường hoạt động của đơn vị có nhiều rủi ro tiềm tàng.
 - Hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị yếu kém.
 - Kiểm toán viên nghi ngờ về khả năng có sai lệch trọng yếu trong báo cáo tài chính.
 - Chuẩn mực yêu cầu kiểm toán viên phải đánh giá ban đầu về rủi ro kiểm soát trong mọi trường hợp.
- Khi bị khách hàng từ chối không cho tiếp xúc với kiểm toán viên tiền nhiệm, kiểm toán viên phải:
 - Điều chỉnh kế hoạch kiểm toán sơ bộ
 - Cân nhắc về khả năng nhận lời mời kiểm toán
 - Nghi vấn về việc áp dụng nhất quán các nguyên tắc kế toán
 - Giới hạn phạm vi kiểm toán.
- Người phải chịu trách nhiệm về sự trung thực và hợp lý của các báo cáo tài chính của một đơn vị là:
 - Kiểm toán viên kiểm toán báo cáo tài chính của đơn vị.
 - Giám đốc đơn vị.
 - Ban kiểm soát của đơn vị.
 - Kiểm toán viên nội bộ của đơn vị.
- Mục tiêu của việc phân tích sơ bộ trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán là để nhận diện sự tồn tại của:
 - Các hành vi không tuân thủ không được phát hiện do kiểm soát nội bộ yếu kém.

- b. Các biến động bất thường để dự đoán về những khu vực có rủi ro cao.
 - c. Các nghiệp vụ với các bên liên quan.
 - d. Các nghiệp vụ được ghi chép nhưng không được xét duyệt.
7. Kiểm toán viên phải cân nhắc giữa ý kiến chấp nhận từng phần dạng ngoại trừ hay ý kiến từ chối trong trường hợp nào sau đây :
- a. Tình huống không rõ ràng.
 - b. Giới hạn phạm vi kiểm toán.
 - c. Bất đồng ý kiến với Giám đốc đơn vị.
 - d. Không có trường hợp nào.
8. Kiểm toán viên cần đánh giá rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát vì nhờ đó mới xác định được:
- a. Số lượng bằng chứng kiểm toán cần thu thập
 - b. Rủi ro của hợp đồng kiểm toán.
 - c. Rủi ro kiểm toán có thể chấp nhận.
 - d. Rủi ro ngoài mẫu.
9. Doanh nghiệp có thể phản ánh tài sản trên BCDKT theo giá gốc là dựa trên giả định nào dưới đây:
- a. Cơ sở dồn tích.
 - b. Hoạt động liên tục.
 - c. Khách quan.
 - d. Nhất quán.
10. Đây là cuộc kiểm toán năm đầu tiên nên KTV Ngọc yêu cầu đơn vị được kiểm toán cho phép anh ta tiếp xúc với KTV tiền nhiệm để xem một số hồ sơ kiểm toán năm trước nhưng không được đơn vị chấp nhận. Điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định của KTV về:
- a. Độ tin cậy của báo cáo kiểm toán năm trước
 - b. Tính trung thực của ban giám đốc
 - c. Sự giới hạn phạm vi kiểm toán
 - d. Số lượng bằng chứng cần thu thập
11. Lý do nào dẫn đến việc báo cáo tài chính của đơn vị cần phải được kiểm toán bởi kiểm toán viên độc lập trước khi công bố rộng rãi cho công chúng là:
- a. Kiểm toán viên có thể phát hiện tất cả các sai phạm của nhà quản lý.
 - b. Lợi ích của nhà đầu tư và nhà quản lý có thể khác biệt nhau.
 - c. Tất cả sai lệch trên sổ dư các tài khoản sẽ được chỉnh sửa bởi các kiểm toán viên.
 - d. Để xác định xem hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị có hữu hiệu hay không.
12. Trước khi quyết định có nên ký hợp đồng kiểm toán hay không, kiểm toán viên thường tìm hiểu về :
- a. Tính trung thực của người quản lý.
 - b. Mức độ phức tạp của công việc và khả năng đáp ứng của kiểm toán viên
 - c. Tính độc lập của kiểm toán viên.
 - d. Cả ba vấn đề trên.
13. Bên cạnh việc thực sự độc lập, kiểm toán viên luôn phải duy trì một thái độ độc lập vì:
- a. Họ muốn công chúng tin tưởng về tính độc lập thật sự của họ.
 - b. Họ muốn công chúng có được sự tin tưởng về nghề nghiệp chuyên môn của họ.
 - c. Họ cần phải tuân thủ các chuẩn mực kiểm toán về phạm vi công việc.
 - d. Tất cả các câu trên đều sai. Kiểm toán viên chỉ cần giữ gìn sự độc lập thực sự trong xét đoán của mình.
14. Mục đích chủ yếu của việc tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng là để:
- a. Cung cấp cơ sở để đưa ra các đề nghị trong thư quản lý.
 - b. Xác định tính chất, thời gian và phạm vi của các thử nghiệm kiểm toán.
 - c. Thu thập đầy đủ các bằng chứng thích hợp để có được cơ sở hợp lý nhằm cho ý kiến về báo cáo tài chính.
 - d. Trao đổi trực tiếp với các nhà quản lý về các vấn đề có liên quan đến kiểm soát nội bộ.
15. Thủ tục nào dưới đây giúp kiểm toán viên phát hiện các tài sản không có trong thực tế là:
- a. Qua chứng kiến kiểm kê, chọn các tài sản trong thực tế, kiểm tra việc ghi chép trên sổ sách kế toán.
 - b. Chọn các tài sản ghi trên sổ sách và chứng kiến kiểm kê các tài sản này.
 - c. Chọn các hoá đơn mua tài sản và lần theo việc ghi chép vào sổ sách.
 - d. Tất cả các câu trên đều sai.
16. Mục đích của kiểm toán hoạt động không phải là để đánh giá về:
- a. Hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị có hữu hiệu hay không ?
 - b. Các thông tin liên quan đến hoạt động của đơn vị được cung cấp ra bên ngoài có phù hợp với các chuẩn mực kiểm toán hay không ?
 - c. Báo cáo tài chính có trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động của đơn vị hay không?
 - d. Câu b và c.
17. Chứng kiến kiểm kê kho nhằm thoả mãn mục tiêu kiểm toán chủ yếu nào sau đây:
- a. Hiện hữu.
 - b. Quyền và nghĩa vụ.
 - c. Đánh giá.
 - d. Ghi chép chính xác.

18. Điều kiện để doanh nghiệp có thể sử dụng giá gốc để phản ánh tài sản của mình là:
- a. Doanh nghiệp phải sử dụng giá gốc một cách nhất quán.
 - b. Doanh nghiệp phải đánh giá tài sản một cách khách quan.
 - c. Doanh nghiệp giả định rằng vẫn còn tiếp tục hoạt động trong tương lai để thực hiện các tài sản này.
 - d. Cơ sở dồn tích phải được tôn trọng.
19. Trong các yếu tố cấu thành hệ thống kiểm soát nội bộ, các hoạt động kiểm soát là:
- a. Các phương pháp kế toán nhằm kiểm soát các thông tin tài chính.
 - b. Hoạt động của kiểm toán nội bộ.
 - c. Các thủ tục do kiểm toán viên thực hiện để thu thập bằng chứng kiểm toán.
 - d. Những chính sách và thủ tục yêu cầu nhân viên của đơn vị thực hiện nhằm mục đích ngăn chặn, phát hiện và sửa chữa những sai sót và gian lận trong các nghiệp vụ.
20. Trong các loại rủi ro sau, kiểm toán viên có thể tác động vào loại rủi ro nào:
- a. Rủi ro tiềm tàng.
 - b. Rủi ro kiểm soát.
 - c. Rủi ro phát hiện.
 - d. Cả 3 loại rủi ro trên.
21. Nếu doanh nghiệp thay đổi chính sách kế toán nhưng có thuyết minh về sự thay đổi và ảnh hưởng của sự thay đổi này trên BCTC sẽ giúp cho người đọc BCTC:
- a. Có thể hiểu được các thông tin được trình bày trên BCTC
 - b. Có thể ra các quyết định kinh tế
 - c. Thận trọng khi xem xét các thông tin này
 - d. So sánh được với các thông tin của kỳ trước
22. Khi kiểm toán hàng tồn kho và doanh thu bán hàng, kiểm toán viên có thể nhận diện xu hướng biến động bất thường về lãi gộp thông qua:
- a. Đọc hồ sơ kiểm toán năm trước.
 - b. Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ.
 - c. Xây dựng chương trình kiểm toán đặc biệt.
 - d. Thủ tục phân tích.
23. Khi lập kế hoạch kiểm toán, điều nào dưới đây không phải là lý do khiến kiểm toán viên phải tìm hiểu về các bộ phận hợp thành của hệ thống kiểm soát nội bộ:
- a. Để tìm kiếm gian lận và sai sót.
 - b. Để thiết kế các thử nghiệm cơ bản phù hợp.
 - c. Để xem xét sự hữu hiệu trong vận hành của hệ thống kiểm soát nội bộ.
 - d. Để xem xét các nhân tố ảnh hưởng có thể dẫn đến các sai lệch trọng yếu.
24. Hãy chọn câu trả lời đúng nhất về vai trò của cơ sở dồn tích trong kế toán dưới đây:
- a. Cơ sở dồn tích giúp BCTC cung cấp thông tin hữu ích hơn về kết quả kinh doanh của đơn vị.
 - b. Cơ sở dồn tích giúp đơn vị ghi nhận doanh thu đúng kỳ.
 - c. Cơ sở dồn tích là nền tảng của các phương pháp xử lý kế toán nhằm mục đích giúp thông tin trên báo cáo tài chính đáng tin cậy hơn.
 - d. Cơ sở dồn tích là căn cứ để kiểm toán viên kiểm tra việc ghi nhận doanh thu và chi phí của đơn vị.
25. Rủi ro kiểm toán là khả năng đưa ra nhận xét không xác đáng về báo cáo tài chính trong khi báo cáo tài chính chứa đựng những sai lệch trọng yếu. Khả năng này sẽ không còn khi:
- a. Tăng cường tối đa các thử nghiệm kiểm soát cần thiết.
 - b. Kiểm tra 100% các nghiệp vụ.
 - c. Câu a và b đều đúng.
 - d. Câu a và b đều sai.
26. Việc phát hiện các xu hướng biến động bất thường thông qua thủ tục phân tích sẽ giúp kiểm toán viên:
- a. Đưa ra ý kiến không chấp nhận vì báo cáo tài chính chứa đựng những sai sót trọng yếu.
 - b. Mở rộng phạm vi thử nghiệm chi tiết.
 - c. Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng là yếu kém.
 - d. Nghi ngờ sự trung thực của người quản lý.
27. Gửi thư xác nhận nợ phải thu là loại:
- a. Thử nghiệm cơ bản.
 - b. Thử nghiệm kiểm soát.
 - c. Thủ tục phân tích.
 - d. Thử nghiệm đối.
28. Việc phân tích báo cáo tài chính cho thấy doanh thu bán hàng năm nay tăng 25% so với doanh thu năm trước. Nguyên nhân của sự gia tăng này có thể là:
- a. Đơn vị có chiến lược tiếp thị hiệu quả hơn
 - b. Đơn vị đã nới lỏng chính sách tín dụng
 - c. Đơn vị khai khống doanh thu năm nay
 - d. Tất cả các nguyên nhân trên
29. Khi mức rủi ro phát hiện chấp nhận được tăng thì kiểm toán viên có thể:

- a. Tăng thử nghiệm cơ bản.
 - b. Giảm thử nghiệm cơ bản.
 - c. Tăng thử nghiệm kiểm soát.
 - d. Giảm thử nghiệm kiểm soát.
30. Khi bị bất đồng ý kiến với Giám đốc đơn vị và vấn đề bất đồng này là trọng yếu, kiểm toán viên thường đưa ra ý kiến:
- a. Ý kiến chấp nhận toàn phần hoặc ý kiến không chấp nhận.
 - b. Ý kiến chấp nhận từng phần hoặc ý kiến không chấp nhận.
 - c. Ý kiến chấp nhận toàn phần hoặc từ chối đưa ra ý kiến.
 - d. Ý kiến chấp nhận từng phần hoặc từ chối đưa ra ý kiến.
31. Tình huống nào sau có mức rủi ro kiểm soát được đánh giá ở mức thấp nhất:
- a. Công ty quá lớn nên nhân viên thường xuyên không nhận được các chỉ thị từ cấp trên một cách kịp thời
 - b. Nhân viên hài lòng với chính sách nhân sự của công ty
 - c. Qua phỏng vấn nhà quản lý kiểm toán viên được biết là hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động tốt
 - d. Kiểm toán viên thực hiện các thử nghiệm kiểm soát cần thiết và kết luận là rủi ro kiểm soát ở mức thấp nhất.
32. Để thu thập bằng chứng về sự hữu hiệu thật sự của kiểm soát nội bộ, kiểm toán viên có thể thực hiện thủ tục nào dưới đây:
- a. Phỏng vấn.
 - b. Quan sát.
 - c. Thực hiện lại thủ tục kiểm soát.
 - d. Cả 3 thủ tục trên.
33. Khi thu thập các bằng chứng kiểm toán, khái niệm trọng yếu liên quan đến yêu cầu thu thập:
- a. Bằng chứng kiểm toán thích hợp.
 - b. Bằng chứng kiểm toán có thể tin cậy được.
 - c. Bằng chứng kiểm toán đầy đủ.
 - d. Bằng chứng kiểm toán phù hợp với cơ sở dẫn liệu.
34. Công việc nào dưới đây không được các kiểm toán viên thực hiện trong giai đoạn hoàn thành kiểm toán:
- a. Thiết kế các thủ tục kiểm soát để yêu cầu đơn vị chấn chỉnh lại hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi cho ý kiến trên báo cáo kiểm toán
 - b. Xem xét các khoản nợ tiềm tàng
 - c. Xem xét giả thiết hoạt động liên tục
 - d. Yêu cầu đơn vị điều chỉnh các sai sót chưa được điều chỉnh nếu sai sót tổng hợp vượt mức trọng yếu.
35. Trong thử nghiệm cơ bản, kiểm toán viên thu thập bằng chứng kiểm toán nhằm:
- a. Phát hiện gian lận.
 - b. Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ.
 - c. Đánh giá năng lực lãnh đạo của ban giám đốc.
 - d. Tất cả đều sai.
36. Quá trình thu thập bằng chứng thường được thực hiện qua các bước sau :
- a. Thực hiện thử nghiệm cơ bản, thực hiện thử nghiệm kiểm soát và đánh giá rủi ro kiểm soát.
 - b. Thực hiện thủ tục phân tích, thực hiện thử nghiệm chi tiết và đánh giá rủi ro kiểm soát.
 - c. Đánh giá rủi ro kiểm soát, thực hiện thử nghiệm cơ bản và thử nghiệm kiểm soát.
 - d. Đánh giá rủi ro kiểm soát, thực hiện thử nghiệm kiểm soát, thực hiện thủ tục phân tích và thử nghiệm chi tiết.
37. Để kiểm tra lại quy trình kiểm soát nội bộ đã được mô tả, kiểm toán viên sử dụng công cụ nào sau đây:
- a. Bảng câu hỏi về kiểm soát nội bộ và phép thử Walk-through.
 - b. Bảng tường thuật, lưu đồ và phép thử Walk-through.
 - c. Phép thử Walk-through.
 - d. Câu hỏi về kiểm soát nội bộ và lưu đồ.
38. Chiến lược kiểm toán là:
- a. Chương trình kiểm toán chi tiết
 - b. Các thủ tục kiểm toán cần thực hiện.
 - c. Việc hoạch định phương pháp tiếp cận kiểm toán.
 - d. Các câu trên đều sai.
39. Trong các thử nghiệm sau, thử nghiệm nào ít được tiến hành trước ngày kết thúc niên độ :
- a. Gửi thư xác nhận số dư khách hàng.
 - b. Đánh giá rủi ro kiểm soát về chi tiền.
 - c. Tìm kiếm các khoản nợ phải trả không được ghi nhận.
 - d. Quan sát kiểm kê.
40. Kiểm toán viên sẽ bỏ qua không thực hiện thủ tục kiểm toán nào sau đây nếu đánh giá sơ bộ cho thấy kiểm soát nội bộ của đơn vị là rất yếu kém:
- a. Thử nghiệm kiểm soát
 - b. Thủ tục phân tích
 - c. Thử nghiệm chi tiết trên số dư
 - d. Thử nghiệm chi tiết trên nghiệp vụ